

Số: 36/2026/QĐPT-DS

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Phạm Việt Hà.

Thư ký phiên họp: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký viên Tòa Phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

**Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia
phiên họp:** Ông Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 03/2025/QĐST-DS ngày
13 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân
tỉnh Hưng Yên) đã căn cứ vào các điều 192, 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều
273 Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 72/2025/TLST-DS ngày 18 tháng
11 năm 2025, giữa:

* **Nguyên đơn:** Ông Vũ Văn K và bà Nguyễn Thị H, địa chỉ trước đây: Thôn
G, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình (địa chỉ hiện nay: thôn G, phường T, tỉnh
Hưng Yên).

* **Bị đơn:** Công ty TNHH L, địa chỉ trụ sở chính trước đây: N, xã Đ, thành
phố T, tỉnh Thái Bình (địa chỉ hiện nay: ngã tư G, phường T, tỉnh Hưng Yên).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy
ban nhân dân tỉnh H).

- Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình (người kế thừa quyền
và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Hưng Yên).

- Chị Vũ Thị H1, anh Vũ Văn H2, bà Vũ Thị T1, chị Vũ Thị N và anh Vũ
Văn T2, cùng địa chỉ trước đây: Thôn G, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình (địa
chỉ hiện nay: thôn G, phường T, tỉnh Hưng Yên).

- Anh Vũ Văn T3, địa chỉ đăng ký hộ khẩu trước đây: Thôn G, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình (nay là thôn G, phường T, tỉnh Hưng Yên); nơi cư trú: Khu phố A, Đặc khu P, tỉnh An Giang.

Đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH L trả lại phần đất cho nguyên đơn do chiếm hữu sử dụng không có căn cứ pháp luật.

2. Chuyển các yêu cầu:

- Hủy Quyết định 238/QĐ-UBND, ngày 02/02/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc thu hồi đất của Công ty TNHH T4, giao cho UBND xã Đ quản lý.

- Hủy Quyết định số 180/QĐ-UBND, ngày 18/01/2007, của Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc cho Công ty TNHH T4 thuê 15.478,2m² đất, thời hạn cho thuê kể từ ngày 18/01/2007 đến ngày 31/12/2036.

- Tuyên Hợp đồng thuê đất ngày 18/5/2007 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh T với Công ty TNHH T4 vô hiệu.

Sang giải quyết theo thủ tục tố tụng hành chính trong vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 17/2025/TLST-HC ngày 13/6/2025.

Ngày 16/6/2025 nguyên đơn ông Vũ Văn K và bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 03/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên).

Tại phiên họp, đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội đề nghị Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn K và bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

XÉT THẤY:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn là ông Vũ Văn K và bà Nguyễn Thị H trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H và ông Vũ Văn K, Hội đồng phúc thẩm thấy:

[2.1] Đối với nội dung đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 72/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty TNHH L trả lại phần đất cho nguyên đơn do chiếm hữu sử dụng không có căn cứ pháp luật, thấy rằng:

- Về nguồn gốc, quá trình sử dụng, biến động liên quan đến diện tích đất có tranh chấp:

Theo sổ mục kê năm 1985, bản đồ giải thửa 299 đo vẽ năm 1985, phần diện tích đất 477m² của hộ gia đình ông K và 1000m² của hộ gia đình bà H là một phần thửa đất 155-156 tờ bản đồ số 01, tên người sử dụng đất: Tổ giống Hợp Tác Xã dịch vụ nông nghiệp xã Đ (thửa đất 155-156 thuộc cánh đồng Nẻ, đồng Mùa của xã Đ). Năm 1993 thửa đất 155-156 được Nhà nước giao đất nông nghiệp cho các

hộ dân tại thôn G, xã Đ, thành phố T theo Quyết định 652 năm 1993 và Quyết định 948 năm 2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh T, trong đó hộ ông Vũ Văn Đ 1000m² (chồng bà H); hộ ông Vũ Văn K 477m². Do thực trạng quản lý đất đai tại địa phương, diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho các hộ dân xã Đ, thành phố T theo Quyết định 652 + 948 của Ủy ban nhân dân tỉnh T, trong đó có hộ ông Vũ Văn K và hộ bà Nguyễn Thị H vẫn chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc quản lý đất đai và xác định quyền sử dụng đất của các hộ dân thôn G chỉ căn cứ vào sổ giao ruộng các năm 1993, 2003 và 2012.

Thời gian khoảng năm 2006, tại khu vực cánh đồng N, thôn G, xã Đ, Nhà nước có chủ trương để cho Công ty TNHH H4 làm doanh nghiệp (cho người khuyết tật). Khi đó ông Khổng Thanh H3 là Chủ tịch xã nắm được chủ trương và cũng đã chỉ đạo phát phiếu thăm dò cho 40 hộ dân có đất thuộc khu vực giải tỏa để làm dự án của Công ty H4. Khi phát phiếu thăm dò về việc chuyển nhượng hoặc cho thuê đất giao cho Công ty H4, có 38 hộ dân trong tổng số 40 hộ dân (trong diện giải tỏa đất nông nghiệp) đều ký xác nhận vào phiếu thăm dò, đồng ý để chuyển nhượng hoặc cho thuê đất ruộng, trong đó có hộ ông Vũ Văn K và hộ bà Nguyễn Thị H (Đoàn); chỉ có hai hộ dân là hộ ông Khổng Tiến P và Vũ Duy K1 là không nhất trí.

Sau đó thôn G và Công ty H4 có tổ chức hội nghị tại thôn G, xã Đ và có mời đại diện Ủy ban nhân dân, trong đó có ông Khổng Thanh H3 - Chủ tịch xã; ông N1 - Trưởng ban ruộng đất xã tham gia. Ngoài ra, tại hội nghị còn có sự có mặt của đại diện thôn G và đại diện Công ty H4 cùng đại diện của các hộ dân. Ủy ban nhân dân xã xác định việc thỏa thuận giữa 38 hộ dân và Công ty H4 lúc đó bản chất là thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chứ không phải là thuê đất vì giá thỏa thuận chuyển nhượng là 10.400.000 đồng/01 sào là tương đương với giá đền bù đất nông nghiệp tại Cụm C do Nhà nước thu hồi của dân trả cho dân.

Do Công ty H4 không đáp ứng được năng lực tài chính nên đã chuyển sang Công ty T4 tiếp tục dự án. Việc chuyển từ Công ty H4 sang Công ty T4 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 1350/UBND-CN ngày 18/8/2006 về việc thay đổi chủ đầu tư dự án xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì carton sóng. Ngày 16/10/2006, Công ty TNHH T4 ký kết 38 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với 38 hộ dân trong đó có ông K, bà H và chi trả tiền chuyển nhượng đất cho 38 hộ dân. Cả 38 hộ dân đều đã ký vào danh sách đã nhận tiền của Công ty T4 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ngày 18/01/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh T ra Quyết định số 180/QĐ - UBND về việc cho Công ty TNHH T4 thuê đất để xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì carton sóng và Trung tâm dạy nghề cho người tàn tật.

- Về việc ban hành các quyết định liên quan đến diện tích đất có tranh chấp:

Ngày 14/5/2008 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T có Báo cáo kiểm tra việc sử dụng đất của Công ty TNHH T4 tại xã Đ, thành phố T và ngày 09/01/2009,

Sở T có Báo cáo số 03/BC-STNMT kết quả phúc tra và đề xuất xử lý vi phạm về sử dụng đất của Công ty TNHH T4 tại xã Đ, thành phố T.

Ngày 02/02/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh T quyết định thu hồi 15.478,2 m² đất của Công ty TNHH T4 để giao cho UBND xã Đ quản lý thể hiện tại Quyết định 238/QĐ - UBND. Công ty cổ phần H4 và Công ty TNHH T4 hiện tại đều đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Hiện nay, Công ty TNHH L đang sử dụng 9.502,9m² đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh T đã thu hồi của Công ty TNHH T4 khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép là hành vi chiếm đất đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T quyết định xử lý vi phạm hành chính tại Quyết định Số 170/QĐ-KPHQ ngày 07/11/2022 về “Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả” và Quyết định số 331/QĐ-SĐ ngày 22/3/2024 sửa đổi một phần Quyết định số 170/QĐ-KPHQ ngày 07/11/2022 về “Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả”. Cụ thể:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích đã lấn chiếm;

b) Buộc Công ty TNHH L nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với diện tích 1.244 m² kể từ thời điểm bắt đầu chiếm đất (ngày 01/12/2016) đến thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính (ngày 14/6/2021) và đối với diện tích 8.259 m² kể từ thời điểm bắt đầu chiếm đất (ngày 01/10/2019) đến thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính (ngày 14/6/2021) với số tiền: 1.598.402.694,4 đồng (Làm tròn: 1.598.403.000 đồng: Một tỷ năm trăm chín mươi tám triệu bốn trăm linh ba nghìn đồng).

Đến nay, Công ty TNHH L mới chấp hành nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm số tiền 1.026.603.000 đồng nhưng chưa chấp hành thực hiện khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích đất đã chiếm theo các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N2 trên.

Như vậy, diện tích đất có tranh chấp đã được giải quyết bằng một quyết định có hiệu lực pháp luật tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án và đến nay chưa có bản án, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hủy bỏ, thay thế các Quyết định số 170/QĐ-KPHQ ngày 07/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh T và Quyết định số 331/QĐ-SĐ ngày 22/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh T. Mặt khác, việc ông K, bà H khởi kiện đòi Công ty L trả lại diện tích đất mà ông K, bà H cho rằng đã cho Công Ty TNHH T4 thuê từ năm 2006 mà Công ty L đang quản lý, sử dụng nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa bà H, ông K và Công ty L có giao kết hợp đồng hoặc phát sinh giao dịch làm xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông K, bà H. Do vậy, ông K và bà H không có quyền khởi kiện Công ty L.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217, 218 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H, ông K đòi Công ty TNHH L trả lại quyền sử dụng đất nông nghiệp

và giải quyết hậu quả của việc đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện là bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Đối với nội dung chuyển các yêu cầu:

Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu của bà H, ông K về việc đề nghị Tòa án tuyên:

- Hủy Quyết định 238/QĐ-UBND, ngày 02/02/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc thu hồi đất của Công ty TNHH T4, giao cho UBND xã Đ quản lý;

- Hủy Quyết định số 180/QĐ-UBND, ngày 18/01/2007, của Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc cho Công ty TNHH T4 thuê 15.478,2 m² đất, thời hạn cho thuê kể từ ngày 18/01/2007 đến ngày 31/12/2036.

- Tuyên Hợp đồng thuê đất ngày 18/5/2007 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh T với Công ty TNHH T4 vô hiệu.

Xét thấy, các yêu cầu nêu trên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính. Trong trường hợp này, Tòa án phải thụ lý giải quyết các yêu cầu khởi kiện trên của bà H, ông K theo thủ tục tổ tụng hành chính. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết yêu cầu trên cùng trong một vụ án dân sự nên cần chuyển các yêu cầu nêu trên sang giải quyết theo thủ tục tổ tụng hành chính trong vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 17/2025/TLST-HC ngày 13/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên) giữa người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H, ông Vũ Văn K với người bị kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Ủy ban nhân dân tỉnh H) là bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Từ những nhận định nêu trên, xét việc Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 03/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Văn K, bà Nguyễn Thị H, như quan điểm, đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn là ông Vũ Văn K và bà Nguyễn Thị H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Căn cứ khoản 5 Điều 314 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Vũ Văn K và bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 03/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên).

2. Về án phí: Ông Vũ Văn K và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng

án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông K, bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000570 ngày 13/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Viện CT & KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP; Hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Tiến Dũng

